

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 605/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Danh mục lưu vực sông nội tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 24407/TTr-SNNMT-TNNKS ngày 03 tháng 8 năm 2026 về việc phê duyệt “Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này là Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Chi tiết Danh mục theo phụ lục I, II đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt thực hiện: Công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Cổng dịch vụ và cung cấp thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Côn Đảo để niêm yết công khai tại trụ sở.

b) Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đã được phê duyệt; Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đánh giá, lấy ý kiến của Sở Công thương, Sở Xây dựng, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ theo quy định.

c) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp chưa có bản đồ địa chính thì phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải được thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đưa vào kế hoạch sử dụng đất; cập nhật, bổ sung mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước sau khi bản đồ địa chính được thành lập. Việc thể hiện phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị quản lý, khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa trong việc xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các đoạn sông, kênh, rạch, hồ có phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trùng hoặc chồng lấn với luồng đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, phạm vi bảo vệ cầu, bến cảng, bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, phà, kè, công trình giao thông; hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Xây dựng.

b) Theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, không giải quyết cấp phép xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang trong hành lang bảo vệ nguồn nước đúng theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về Tài nguyên nước và các quy định pháp luật có liên quan; chủ trì kiểm tra, giám sát đối với nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Xây dựng; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành đối với nội dung liên ngành hoặc chồng lấn phạm vi bảo vệ công trình.

c) Khi phát hiện nội dung chồng lấn, bất cập hoặc chưa thống nhất giữa hành lang bảo vệ nguồn nước với phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, công trình giao thông, công trình thủy lợi, đê điều, kè, cảng bến, luồng hàng hải; hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật

khác, kịp thời phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, xử lý theo quy định.

3. Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu rà soát và tham gia ý kiến đối với các đoạn sông, hồ gắn với danh lam thắng cảnh, hoạt động du lịch trong quá trình lập và xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước, nhằm đảm bảo hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ nguồn nước và phát triển du lịch.

4. Sở Du lịch có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong việc tổ chức xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính các đoạn sông, hồ gắn với danh lam thắng cảnh, hoạt động du lịch.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến về quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

b) Tổ chức quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố; giám sát các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước; chịu trách nhiệm khi để xảy ra việc lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong trường hợp cần điều chỉnh Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn; thể hiện mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn theo bản đồ địa chính.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa thủy lợi, thủy điện:

a) Xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ hồ chứa thuộc thẩm quyền quản lý, vận hành của mình gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, thẩm định để trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Căn cứ phương án cấm mốc chỉ giới đã được phê duyệt, tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu nơi có hồ chứa để thực hiện cấm mốc chỉ giới trên thực địa; bàn giao mốc chỉ giới cho quản lý, bảo vệ.

7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình:

a) Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải bảo đảm các yêu cầu: Không được gây sạt lở bờ sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá hoặc gây ảnh hưởng đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá; không làm ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

b) Không xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô bệnh viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm, cơ sở

sản xuất, chế biến có chất thải nguy hại trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước. Đối với cơ sở đang hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước phải có giải pháp khắc phục theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau: Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 3608/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trường hợp có văn bản pháp luật mới quy định thay thế hoặc bổ sung các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hành lang bảo vệ nguồn nước thì tuân thủ việc áp dụng theo các quy định mới tính từ ngày văn bản mới có hiệu lực.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Đối với các đoạn sông, suối, kênh, rạch đã được cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc đang triển khai theo các Quyết định đã được phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ thì tiếp tục được kế thừa, quản lý cho đến khi được điều chỉnh theo Quyết định mới.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể Thao, Giám đốc Sở Du lịch, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- Thành viên UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Phòng: Đô thị, Kinh tế, Dự án;
- Lưu: VT, (ĐT-PVH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Minh Thạnh



PHỤ LỤC II
DANH MỤC NGUỒN NƯỚC PHẢI LẬP HÀNH LANG BẢO VỆ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐỐI VỚI HỒ, AO, ĐÀM, PHÁ

(Kèm theo Quyết định số 5427/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên nguồn nước	Vị trí			Diện tích ao, hồ (ha)	Phạm vi hành lang (m)	Ghi chú
		Tọa độ		Xã/Phường			
		X(m)	Y(m)				
1	Ao cá Hương Tràm	1188633	605989	Phường Tân Thuận	4,5	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
2	Ao Song Tân	1188466	604977	Phường Tân Hưng	9,42	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
3	Hồ chứa nước Từ Vân 1	1241460	594906	Phường Bến Cát	29	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
4	Hồ chứa nước Từ Vân 2	1240744	594847	Phường Bến Cát	12	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
5	Hồ chứa Thủy Lợi Hồ Cần Nôm	1242564	572038	Xã Thanh An	23	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
6	Hồ Dốc Nhàn	1227447	624824	Xã Thường Tân	27	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
7	Hồ Đá Bàn	1229243	624285	Xã Bắc Tân Uyên	136	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
8	Đập, hồ Thị Tính	1250041	496611	Xã Long Hòa	57,11	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập, hồ thủy lợi
9	Đập dâng Suối Sâu	1227413	537602	Phường Tân Uyên	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi

10	Đập Cua Đình	1228533	524737	Phường Vĩnh Tân	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
11	Đập Ông Lựu (Ông Hựu)	1219423	533219	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
12	Đập Bến Xe	1227853	524006	Phường Vĩnh Tân	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
13	Đập Ông Khương	1237184	516197	Phường Chánh Phú Hòa	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
14	Đập Cây Chay	1233677	513400	Phường Bến Cát	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
15	Hồ công viên Thủ Dầu Một	1215582	599377	Phường Thủ Dầu Một	0,88	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
16	Hồ công viên khu dân cư Hiệp Thành 3	1217077	600086	Phường Phú Lợi	0,84	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
17	Hồ cảnh quan Công viên thành phố mới	1222292	601101	Phường Bình Dương	15,76	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
18	Hồ Cua Pari	1236704	601730	Phường Vĩnh Tân	17	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
19	Hồ nước mỏ đá Bình An	1204991	615136	Phường Đông Hòa	33,86	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
20	Đất UBND xã quản lý (Ao)	1242680	607176	Xã Phước Hòa	1,27	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
21	Đất UBND xã quản lý (hồ)	1240046	610407	Xã Phước Hòa	8	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
22	Hồ Suối Lùng	1243172	609275	Xã Phước Hòa	10,86	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp

23	Ao cá (đất công ích) phường Bình Cơ	1229275	608863	Phường Bình Cơ	0,97	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
24	Hồ Tân Vĩnh Hiệp	1216991	604252	Phường Tân Khánh	12,54	10m	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
25	Hồ Nhà Bè	1180018	432978,7	Phường Tân Thành	6,81	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
26	Hồ Suối Đá	1167782	435801,8	Xã Châu Pha	10,58	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
27	Hồ Sở Bông	1152708	446715,7	Xã Phước Hải	20,41	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
28	Hồ Bút Thiên	1155519	445242,4	Xã Long Điền	33,67	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
29	Hồ Quang Trung I	961124,9	373703,6	Đặc khu Côn Đảo	9,57	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
30	Hồ Quang Trung II	961615	374296	Đặc khu Côn Đảo	22,73	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
31	Hồ An Hải	959931,9	372858,9	Đặc khu Côn Đảo	9,01	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
32	Hồ Suối Ót	963634,7	377045	Đặc khu Côn Đảo	1,73	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
33	Hồ Đất Dốc	962401,4	376406	Đặc khu Côn Đảo	0,17	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
34	Hồ Lò Vôi	962401,4	376406	Đặc khu Côn Đảo	4,74	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi

35	Hồ Sông Ray	1181726	456631,3	Xã Hòa Hội; xã Bàu Lâm; xã Xuân Sơn	1922	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
36	Hồ Đá Đen	1175650	436555,5	Xã Ngãi Giao, xã Kim Long, xã Châu Pha, Phường Tân Thành	661	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
37	Hồ Kim Long	1183058	440411,7	Xã Kim Long	65	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
38	Hồ Đá Bằng	1167750	445352	Xã Nghĩa Thành; xã Đất Đỏ	214	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
39	Hồ Châu Pha	1173206	432656,9	Xã Châu Pha, phường Tân Thành	181	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
40	Hồ Suối Các	1183591	471859,8	Xã Hòa Hiệp	117	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
41	Hồ Sông Hỏa	1169346	468807,6	Xã Hòa Hội, xã Xuyên Mộc	93	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
42	Hồ Xuyên Mộc	1165917	461775,3	Xã Hồ Tràm	142	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
43	Hồ Núi Nhan	1178564	441287,7	Xã Ngãi Giao, xã Kim Long	22,3	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
44	Hồ Suối Giàu	1171162	452666,3	Xã Xuân Sơn, xã Nghĩa Thành	152	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
45	Hồ Gia Hoét II	1183804	450504,8	Xã Bình Giã	2,67	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi

46	Hồ Gia Hoét I	1183669	449326,7	Xã Bình Giã	60	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
47	Hồ Tầm Bó	1183127	446907,6	Xã Kim Long, xã Bình Giã	66,1	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
48	Hồ Lò Ô	1162716	436088	Xã Xuân Sơn; xã Đất Đỏ	75	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
49	Hồ Suối Môn	1167067	448405	Xã Đất Đỏ	70	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
50	Hồ Suối Sao	1184820	451044,3	Xã Bình Giã	4,29	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
51	Hồ Suối Đồi I	1182144	450238,7	Xã Bình Giã	14,82	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
52	Đập cầu mới (Hồ Sông Kinh)	1162622	462297,7	Xã Hồ Tràm	29,11	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
53	Hồ Suối Nhum	1175576	427410,1	Xã Châu Pha, phường Tân Thành	16,47	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ thủy lợi
54	Hồ Mang Cá	1157151	426316,8	Xã Long Sơn	0,81	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
55	Hồ Á Châu	1143387	426677,3	Phường Vũng Tàu	1,73	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
56	Hồ Bàu Sen	1143906	427264,4	Phường Vũng Tàu	18,79	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
57	Hồ Bàu Trũng	1147595	429427,7	Phường Tam Thắng	8,49	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
58	Hồ Võ Thị Sáu	1142768	426695,7	Phường Vũng Tàu	1,99	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp

59	Hồ Rạch Bà	1150392	430862,4	Phường Rạch Dừa	0,93	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
60	Hồ Bàu Úc	1166275	442432,8	Phường Tam Long	9,72	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
61	Hồ Lò Ô	1166275	442432,8	Phường Long Hương	0,72	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
62	Hồ Đá Xanh (Hồ RMK)	1162235	433849,1	Phường Long Hương	8,46	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
63	Hồ HMK (Hồ PMK)	1162675	434017,9	Phường Long Hương	5,67	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
64	Hồ Mỏ đá phường Kim Dinh	1162788	433177,4	Phường Long Hương	13,14	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
65	Hồ Hải Sơn	1167782	435801,8	Phường Tân Phước	0,65	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
66	Hồ Minh Đạm (Đập giữ nước PCCC tại khu vực núi Minh Đạm)	1154867	443962,1	Xã Long Điền	1,69	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
67	Đầm Sen	1158038	462567,6	Xã Hồ Tràm	52,07	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
68	Hồ Linh	1163531	475162,5	Xã Bình Châu	11,5	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
69	Các ao cá phường Nguyễn An Ninh	1147162	428887,4	Phường Tam Thắng	8,77	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
70	Đùng Đồi Nhái	1149668	434436,5	Phường Phước Thắng	39,18	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp

71	Mỏ than bùn Bình Châu	1167148	476343	Xã Bình Châu	8,0	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
71	Hồ Thủ Lự	1159565	438220	Phường Bà Rịa	1,1	10	Thuộc danh mục ao, hồ không được san lấp
73	Đập 6 cửa	1161741	429391	Phường Tân Hải	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
74	Đập Mù U	1171751	430779	Xã Châu Pha	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
75	Đập Ông Tĩnh	1162042	429708	Phường Tân Hải	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
76	Đập Rạch Chanh 1	1163314	427614	Phường Tân Hải	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
77	Đập Rạch Chanh 2	1162434	427280	Phường Tân Hải	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
78	Đập Suối Đôi	1169624	431107	Xã Châu Pha	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
79	Đập Tầm Phục1	1170570	430985	Xã Châu Pha	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
80	Đập Tầm Phục2	1170771	431776	Xã Châu Pha	—	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
81	Đập dâng Sông Dinh I	1164211	437704	Phường Bà Rịa, Long Hương, Tam Long	27,70	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
82	Đập dâng Sông Ray	1166028	457411	Xã Đất Đỏ	39,00	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi

83	Đập dâng Sông Xoài	1169759	436392	Xã Châu Pha, Xã Nghĩa Thành	28,80	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
84	Đập dâng Đập Bà	1164016	444321	Phường Tam Long, xã Đất Đỏ	10,40	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
85	Đập dâng Cầu Mới	1162524	461945	Xã Hồ Tràm	18,40	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi
86	Đập dâng Suối Sỏi	1166829	439236	Phường Tam Long	14,20	Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đập thủy lợi

Ghi chú:

- Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước tính từ:

+ Đối với các hồ và ao đã được xác định mép bờ cao quy hoạch: căn cứ vào mép bờ cao quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền công bố.

+ Đối với các hồ và ao chưa được xác định mép bờ cao quy hoạch: căn cứ ranh bản đồ địa chính số hệ tọa độ VN 2000 khu vực Thành phố Hồ Chí Minh do Sở Nông nghiệp và Môi trường công bố và cung cấp.

+ Đối với các hồ và ao có mép bờ cao được cải tạo: căn cứ vào mép bờ cao được cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, làm căn cứ xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.